

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011**

*Hà Nội - Tháng 07 năm 2011*

**MỤC LỤC**

	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	8 - 21
Phụ lục : Bảng tổng hợp giao dịch các bên liên quan	22 - 26

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 đã được soát xét.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội được thành lập từ việc cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 0722/1999-QĐ BTM ngày 08 tháng 6 năm 1999 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

Tên giao dịch tiếng Anh: Petrolimex HaNoi Transportation and Services Joint Stock Company

Tên viết tắt: PETAJICO Hà Nội

Trụ sở chính của Công ty tại số 49 đường Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Các đơn vị trực thuộc Công ty như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội tại Bắc Ninh.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội tại Lào Cai.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: PJC

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Trần Đắc Xuân	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Đức Huân	Ủy viên
	Ông Hoàng Xuân Sự	Ủy viên
	Ông Bùi Văn Thành	Ủy viên
	Ông Phạm Quốc Hùng	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 và tại ngày lập Báo cáo tài chính :

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Bùi Văn Thành	Giám đốc
	Ông Dương Văn Bích	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Ngọc Hoàn	Phó Giám đốc
	Ông Phạm Quốc Hùng	Phó Giám đốc

**SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ HOẠT ĐỘNG**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì Hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính Phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

---

**Bùi Văn Thành**

**Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2011*

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT**

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011  
của Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 được lập ngày 28 tháng 7 năm 2011 từ trang 04 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Ý kiến soát xét**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

### *Lưu ý*

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.18 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, hai hoạt động chính của Công ty có một phần cung cấp dịch vụ và hàng hóa lẫn cho nhau và được ghi nhận như doanh thu và chi phí của từng bộ phận. Theo đó, doanh thu và chi phí trên Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty tăng lên một khoản là 38.280.322.780 đồng.

---

**Nguyễn Anh Tuấn**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV  
Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (CPA VIETNAM)**  
**Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.**  
*Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2011*

---

**Đinh Văn Thắng**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1147/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Mẫu B 01a-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2011	01/01/2011
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>56.525.135.401</b>	<b>46.186.069.770</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>7.165.441.859</b>	<b>5.826.089.201</b>
1. Tiền	111	5.1	7.165.441.859	5.826.089.201
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>12.152.814.140</b>	<b>9.192.765.221</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		12.332.460.140	9.372.411.221
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(179.646.000)	(179.646.000)
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>30.501.298.879</b>	<b>25.309.158.707</b>
1. Phải thu khách hàng	131		22.064.511.002	21.172.187.112
2. Trả trước cho người bán	132		6.709.022.000	2.178.274.600
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	2.203.686.845	2.434.617.963
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(475.920.968)	(475.920.968)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.4</b>	<b>5.691.509.094</b>	<b>4.771.463.488</b>
1. Hàng tồn kho	141		5.701.320.094	4.781.274.488
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.811.000)	(9.811.000)
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.014.071.429</b>	<b>1.086.593.153</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		29.176.362	615.538.179
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		187.271.536	1.795.006
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	164.213.084	118.286.121
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	633.410.447	350.973.847
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>68.415.854.522</b>	<b>61.466.091.165</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>60.862.733.996</b>	<b>53.852.470.639</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	57.885.926.144	51.693.862.503
- Nguyên giá	222		133.220.538.410	120.733.348.188
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(75.334.612.266)	(69.039.485.685)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	144.202.500	148.639.500
- Nguyên giá	228		177.480.000	177.480.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(33.277.500)	(28.840.500)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	2.832.605.352	2.009.968.636
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>7.534.320.526</b>	<b>7.534.320.526</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.10	1.800.000.000	1.800.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.11	5.734.320.526	5.734.320.526
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>18.800.000</b>	<b>79.300.000</b>
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.12	18.800.000	79.300.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270=100+200)	<b>270</b>		<b>124.940.989.923</b>	<b>107.652.160.935</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Mẫu B 01a-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2011	01/01/2011
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> <b>(300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>62.054.526.580</b>	<b>60.016.058.537</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>55.131.195.988</b>	<b>53.402.727.945</b>
2. Phải trả người bán	312		12.762.177.579	7.254.133.864
3. Người mua trả tiền trước	313		1.446.633.702	1.219.640.643
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	1.158.405.629	1.089.579.560
5. Phải trả người lao động	315		14.452.208.507	11.060.857.534
6. Chi phí phải trả	316	5.14	18.102.959.984	14.205.982.121
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	6.201.985.206	18.051.108.842
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.006.825.381	521.425.381
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.923.330.592</b>	<b>6.613.330.592</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333		480.000	480.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.16	6.130.000.000	5.820.000.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		792.850.592	792.850.592
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> <b>(400 = 410+430)</b>	<b>400</b>		<b>62.886.463.343</b>	<b>47.636.102.398</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.17	<b>62.886.463.343</b>	<b>47.636.102.398</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.724.100.000	15.650.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		18.678.699.031	18.660.199.031
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.218.332.278	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.585.139.430	2.683.845.430
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.680.192.604	10.642.057.937
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> <b>(440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>124.940.989.923</b>	<b>107.652.160.935</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2011

Kế toán trưởng

Giám đốc

Vũ Thị Nhâm

Bùi Văn Thành

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
			từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND	từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	533.787.226.473	386.201.002.262
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		533.787.226.473	386.201.002.262
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	515.678.691.957	372.247.371.239
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>18.108.534.516</b>	<b>13.953.631.023</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	935.500.993	343.864.059
7. Chi phí tài chính	22	5.21	83.350.000	376.757.857
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>83.350.000</i>	<i>376.552.153</i>
8. Chi phí bán hàng	24		7.551.287.580	4.788.508.011
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.865.369.438	3.125.881.369
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>7.544.028.491</b>	<b>6.006.347.845</b>
11. Thu nhập khác	31	5.22	384.370.167	370.141.946
12. Chi phí khác	32	5.22	2.941.431	5.750.760
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>381.428.736</b>	<b>364.391.186</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>7.925.457.227</b>	<b>6.370.739.031</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	1.874.382.282	1.521.693.258
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>6.051.074.945</b>	<b>4.849.045.773</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	3.214	3.098

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2011  
 Giám đốc

Vũ Thị Nhâm

Bùi Văn Thành



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

CHỈ TIÊU	MS	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
		từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
		VND	VND
1	2	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.925.457.227	6.370.739.031
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	6.299.563.581	5.726.285.305
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.235.500.993)	(713.955.877)
- Chi phí lãi vay	06	83.350.000	376.552.153
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	13.072.869.815	11.759.620.612
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	9.447.119.735	2.528.821.454
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(920.045.606)	2.574.644.381
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải)	11	(2.066.507.048)	1.981.313.725
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	586.361.817	(23.776.135)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(83.350.000)	(376.552.153)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(856.474.041)	(1.488.759.843)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	31.900.000	6.070.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.138.440.000)	(654.355.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>18.073.434.672</b>	<b>16.307.027.041</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(13.309.826.938)	(1.231.865.725)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	300.000.000	370.091.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(27.045.225.556)	(5.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	24.085.225.556	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(48.919)	(190.139.119)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	935.500.993	343.864.059
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(15.034.374.864)</b>	<b>(5.708.048.967)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	16.320.000.000	240.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(16.010.000.000)	(9.526.500.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.009.707.150)	(1.001.871.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.699.707.150)</b>	<b>(10.288.371.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>1.339.352.658</b>	<b>310.607.074</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>5.826.089.201</b>	<b>2.957.883.466</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>7.165.441.859</b>	<b>3.268.490.540</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2011

Kế toán trưởng

Giám đốc

Vũ Thị Nhâm

Bùi Văn Thành

# **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

MẪU B 09 a -DN

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội được thành lập từ việc cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 0722/1999-QĐ BTM ngày 08 tháng 6 năm 1999 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055126 ngày 05 tháng 08 năm 1999, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 2 ngày 18 tháng 5 năm 2007.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2011 là: 30.724.100.000 đồng (Ba mươi tỷ, bảy trăm hai mươi bốn triệu, một trăm ngàn đồng), tương đương với 3.072.410 cổ phần.

Trong đó:

Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam góp vốn 15.963.000.000 đồng, tương đương với 51,96 % vốn điều lệ, số còn lại là của các cổ đông khác.

Số lao động bình quân: 480 người

#### **1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Kinh doanh vận tải xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu và các sản phẩm khác trong và ngoài nước;
- Tổng đại lý bán xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại xe xitec, xe bồn chuyên dùng, phụ tùng sửa chữa ô tô;
- Dịch vụ cơ khí sửa chữa và dịch vụ hàng tiêu dùng;
- Mua bán ô tô, máy, thiết bị xăng dầu vật tư, vật liệu xây dựng và các mặt hàng khoáng sản, nông thổ sản, dệt may, giấy da;
- Kinh doanh dịch vụ cơ khí, xây lắp các công trình xăng dầu, bảo hành sửa chữa ô tô, xe máy, vật tư xăng dầu;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, dịch vụ ăn uống;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành trong nước và quốc tế;
- Đầu tư tài chính;
- Đào tạo dạy nghề (lái xe, cơ khí, sửa chữa có động cơ; xây dựng, tin học);
- Tư vấn du học quốc tế;
- Dịch vụ giáo dục tiểu học, phổ thông;
- Đại lý bưu điện;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa.

Hoạt động chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 là : kinh doanh vận tải xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu, kinh doanh xăng dầu.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

#### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan khác tại Việt Nam.

#### **Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành.

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

#### **Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Các thay đổi trong các chính sách kế toán**

Công ty áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các kỳ kế toán trước.

#### **Tiền và tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

#### **Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, phương pháp tính giá hàng tồn kho đối với xăng và dầu diezen theo phương pháp nhập trước xuất trước, đối với dầu mỡ nhờn theo phương pháp giá đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b><u>Số năm</u></b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị văn phòng	03- 05

**Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Thời gian khấu hao là 20 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Chi phí phải trả bao gồm chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí xấp xỉ, nhiên liệu và các chi phí khác.

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

##### **Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác chủ sở hữu là phần vốn được chuyển từ quỹ đầu tư phát triển sản xuất để đầu tư tài sản cố định.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty hoặc quyết định của Hội đồng Quản trị dựa trên Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

##### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Hiện nay, giá bán các mặt hàng xăng dầu trên thị trường được thực hiện theo giá định hướng do Nhà nước qui định thống nhất trên phạm vi cả nước theo từng giai đoạn và có sự điều chỉnh đối với từng vùng, miền. Giá bán mặt hàng xăng dầu do Bộ Tài chính qui định cho từng giai đoạn dựa trên sự biến động của giá xăng dầu nhập khẩu.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

##### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

##### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 a -DN

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là Tổng Công ty Xăng Dầu và các Công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.175.525.791	1.465.917.470
Tiền gửi ngân hàng	5.989.916.068	4.360.171.731
<b>Tổng</b>	<b>7.165.441.859</b>	<b>5.826.089.201</b>

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

<b>Nội dung</b>	<b>30/06/2011</b>		<b>01/01/2011</b>	
	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		332.460.140		332.411.221
<i>Cổ phiếu Công ty Cổ phần sữa Hà Nội</i>	<i>1.400</i>	<i>46.310.000</i>	<i>1.400</i>	<i>46.310.000</i>
<i>Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bảo hiểm PIJCO</i>	<i>8.923</i>	<i>231.516.000</i>	<i>4.209</i>	<i>231.516.000</i>
<i>Tiền mua cổ phiếu của Công ty Xi măng Đồng Bành</i>	<i>5.000</i>	<i>50.000.000</i>	<i>5.000</i>	<i>50.000.000</i>
<i>Lãi tiền gửi</i>		<i>4.634.140</i>		<i>4.585.221</i>
Đầu tư ngắn hạn khác		12.000.000.000		9.040.000.000
<i>Gửi tiết kiệm Ngân hàng PG Bank</i>		<i>12.000.000.000</i>		<i>9.040.000.000</i>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(179.646.000)		(179.646.000)
<b>Tổng</b>	<b>15.323</b>	<b>12.152.814.140</b>	<b>10.609</b>	<b>9.192.765.221</b>

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn công ty đang tính cao hơn giá tại thời điểm lập Báo cáo số tiền 24.994.400 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 a -DN

**5.3 Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về cổ tức lợi nhuận được chia	101.401.911	8.550.514
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	92.454.924	9.927.190
Phải thu về giải quyết tai nạn giao thông	1.704.967.274	1.636.310.684
Phải thu bảo hiểm xe ô tô	128.067.731	582.636.289
Bảo hiểm thất nghiệp	11.764.473	932.207
Các khoản phải thu khác	165.030.532	196.261.079
<b>Tổng</b>	<b>2.203.686.845</b>	<b>2.434.617.963</b>

**5.4 Hàng tồn kho**

	<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	1.141.963.190	933.121.990
Công cụ, dụng cụ	42.214.501	35.137.500
Hàng hoá	4.517.142.403	3.813.014.998
<b>Tổng</b>	<b>5.701.320.094</b>	<b>4.781.274.488</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<b>(9.811.000)</b>	<b>(9.811.000)</b>
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>5.691.509.094</b>	<b>4.771.463.488</b>

**5.5 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	1.251.220	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	118.286.121
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	162.961.864	-
<b>Tổng</b>	<b>164.213.084</b>	<b>118.286.121</b>

**5.6 Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	633.410.447	332.275.447
<b>Tổng</b>	<b>633.410.447</b>	<b>332.275.447</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 a -DN

**5.7 Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2011	14.207.532.444	1.680.317.012	104.197.187.702	648.311.030	120.733.348.188
Tăng trong kỳ	-	-	12.487.190.222	-	12.487.190.222
Mua trong kỳ			12.487.190.222		12.487.190.222
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2011	14.207.532.444	1.680.317.012	116.684.377.924	648.311.030	133.220.538.410
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2011	4.883.899.492	780.629.988	62.950.788.677	424.167.528	69.039.485.685
Tăng trong kỳ	458.804.174	108.276.364	5.666.499.847	61.546.196	6.295.126.581
Khấu hao trong kỳ	458.804.174	108.276.364	5.666.499.847	61.546.196	6.295.126.581
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2011	5.342.703.666	888.906.352	68.617.288.524	485.713.724	75.334.612.266
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2011	9.323.632.952	899.687.024	41.246.399.025	224.143.502	51.693.862.503
Số dư tại 30/06/2011	8.864.828.778	791.410.660	48.067.089.400	162.597.306	57.885.926.144

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 43.903.185.956 đồng.

**5.8 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Lào Cai được khấu hao theo đường thẳng trong thời gian là 20 năm.

**5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

**Kỳ hoạt động**  
**từ ngày 01/01/2011**  
**đến ngày 30/06/2011**  
**VND**

Tại ngày 1 tháng 1	2.009.968.636
Tăng trong kỳ	4.786.672.094
Giảm trong kỳ	3.964.035.378
<i>Kết chuyển vào chi phí</i>	3.964.035.378
<b>Tại ngày 30 tháng 6</b>	<b>2.832.605.352</b>

**Chi tiết theo công trình**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Cửa hàng Vạn Hòa - Lào Cai	1.402.281.108	797.831.819
Cửa hàng xăng dầu Nam Cường Lào Cai	1.430.324.244	1.212.136.817
	<b>2.832.605.352</b>	<b>2.009.968.636</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 a -DN

**5.10 Đầu tư tài chính dài hạn**

	<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	1.800.000.000	1.800.000.000
<b>Tổng</b>	<b>1.800.000.000</b>	<b>1.800.000.000</b>

**Thông tin về liên doanh liên kết**

<b>Công ty</b>	<b>Ngành nghề</b>	<b>% sở hữu vốn</b>	<b>Số lượng Cổ phần</b>	<b>Giá trị</b>
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sửa chữa Ô tô Việt Nam	Kinh doanh thương mại và Dịch vụ sửa chữa Ô tô	40%	180.000	1.800.000.000
			<b>180.000</b>	<b>1.800.000.000</b>

**5.11 Đầu tư dài hạn khác**

	<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Taxi Sài Gòn Petrolimex	5.734.320.526	5.734.320.526
<b>Tổng</b>	<b>5.734.320.526</b>	<b>5.734.320.526</b>

Khoản góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Taxi Sài Gòn để kinh doanh vận chuyển hành khách, kinh doanh nhà, đại lý xăng dầu, môi giới bất động sản với tỷ lệ vốn góp là 6,51%.

**5.12 Tài sản dài hạn khác**

	<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhận ký cược ký quỹ	18.800.000	79.300.000
<b>Tổng</b>	<b>18.800.000</b>	<b>79.300.000</b>

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	258.303.109	1.084.277.964
Thuế thu nhập doanh nghiệp	899.622.120	-
Thuế thu nhập cá nhân	480.400	5.301.596
<b>Tổng</b>	<b>1.158.405.629</b>	<b>1.089.579.560</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 a -DN

**5.14 Chi phí phải trả**

	<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	1.498.537.000
Chi phí sắm lớp	9.203.230.571	9.896.750.041
Chi phí nhiên liệu	297.854.784	445.886.006
Chi phí sửa chữa thường xuyên TSCĐ	77.525.000	-
Chi phí khác	8.524.349.629	2.364.809.074
<b>Tổng</b>	<b>18.102.959.984</b>	<b>14.205.982.121</b>

**5.15 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	374.771.999	319.529.753
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.827.213.207	17.731.579.089
<i>Cước vận chuyển thuê ngoài</i>	<i>1.224.948.884</i>	<i>1.219.800.000</i>
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>2.393.869.650</i>	<i>71.357.000</i>
<i>Bội thường vật chất</i>	<i>937.473.450</i>	<i>257.375.785</i>
<i>Tiền phạt hành thêm cổ phiếu chưa được tăng vốn</i>	<i>538.900.000</i>	<i>15.631.500.000</i>
<i>Phải trả phải nộp khác</i>	<i>732.021.223</i>	<i>551.546.304</i>
<b>Tổng</b>	<b>6.201.985.206</b>	<b>18.051.108.842</b>

**5.16 Vay và nợ dài hạn**

	<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>6.130.000.000</b>	<b>5.820.000.000</b>
Tiền thế chấp người lao động	4.540.000.000	4.530.000.000
Tiền thế chấp nhận xe ô tô sitec	1.590.000.000	1.290.000.000
<b>Tổng</b>	<b>6.130.000.000</b>	<b>5.820.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI**  
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 a -DN

**5.17 Vốn chủ sở hữu**

**a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Vốn khác của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Tổng</u>
<b>Số dư tại 01/01/2010</b>	<b>15.650.000.000</b>	<b>12.686.566.099</b>	<b>3.786.499.331</b>	<b>2.023.845.430</b>	<b>6.608.133.601</b>	<b>40.755.044.461</b>
<b>Tăng trong năm</b>	-	<b>5.973.632.932</b>	<b>2.187.133.601</b>	<b>660.000.000</b>	<b>10.642.057.937</b>	<b>19.462.824.470</b>
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.187.133.601	660.000.000	-	2.847.133.601
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	10.642.057.937	10.642.057.937
Tăng từ quỹ đầu tư	-	5.973.632.932	-	-	-	5.973.632.932
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	<b>5.973.632.932</b>	-	<b>6.608.133.601</b>	<b>12.581.766.533</b>
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	4.417.133.601	4.417.133.601
Tăng tài sản từ quỹ đầu tư	-	-	5.973.632.932	-	-	5.973.632.932
Chia cổ tức	-	-	-	-	2.191.000.000	2.191.000.000
<b>Số dư tại 31/12/2010</b>	<b>15.650.000.000</b>	<b>18.660.199.031</b>	<b>-</b>	<b>2.683.845.430</b>	<b>10.642.057.937</b>	<b>47.636.102.398</b>
<b>Số dư tại 01/01/2011</b>	<b>15.650.000.000</b>	<b>18.660.199.031</b>	<b>-</b>	<b>2.683.845.430</b>	<b>10.642.057.937</b>	<b>47.636.102.398</b>
<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>15.074.100.000</b>	<b>18.500.000</b>	<b>2.218.332.278</b>	<b>901.294.000</b>	<b>6.051.074.945</b>	<b>24.263.301.223</b>
Nhận góp vốn	15.074.100.000	-	-	-	-	15.074.100.000
Tăng từ lợi nhuận	-	-	2.218.332.278	901.294.000	-	3.119.626.278
Tăng khác	-	18.500.000	-	-	-	18.500.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	6.051.074.945	6.051.074.945
<b>Giảm trong kỳ</b>	-	-	-	-	<b>9.012.940.278</b>	<b>9.012.940.278</b>
Chia cổ tức	-	-	-	-	4.301.374.000	4.301.374.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	4.711.566.278	4.711.566.278
<b>Số dư tại 30/06/2011</b>	<b>30.724.100.000</b>	<b>18.678.699.031</b>	<b>2.218.332.278</b>	<b>3.585.139.430</b>	<b>7.680.192.604</b>	<b>62.886.463.343</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 a -DN

**5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	15.963.000.000	7.981.500.000
Cổ đông khác	14.761.100.000	7.668.500.000
<b>Tổng</b>	<b>30.724.100.000</b>	<b>15.650.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Kỳ hoạt động</b>	<b>Kỳ hoạt động</b>
	<b>từ ngày 01/01/2011</b>	<b>từ ngày 01/01/2010</b>
	<b>đến ngày 30/06/2011</b>	<b>đến ngày 30/06/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	15.650.000.000	15.650.000.000
Vốn góp tăng trong năm	15.074.100.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 6	30.724.100.000	15.650.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>4.301.374.000</b>	<b>2.034.500.000</b>

**d. Cổ phiếu**

	<b>Kỳ hoạt động</b>	<b>Kỳ hoạt động</b>
	<b>từ ngày 01/01/2011</b>	<b>từ ngày 01/01/2010</b>
	<b>đến ngày 30/06/2011</b>	<b>đến ngày 30/06/2010</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
<b>Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu năm</b>	<b>1.565.000</b>	<b>1.565.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>1.507.410</b>	<b>-</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán</b>	<b>1.507.410</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	1.507.410	1.565.000
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>3.072.410</b>	<b>1.565.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	3.072.410	1.565.000
Mệnh giá một cổ phiếu đang lưu hành:(VND/CP)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 a -DN

**5.18 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND</b>	<b>Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND</b>
Doanh thu bán xăng dầu	427.422.423.039	302.873.071.537
Doanh thu bán dầu mỡ nhờn	3.134.561.436	2.481.593.906
Doanh thu bán gas và các phụ kiện	22.147.636	165.662.886
Doanh thu bán hàng hóa khác	82.176.522	371.366.317
Doanh thu cung cấp dịch vụ	103.125.917.840	80.309.307.616
<b>Tổng</b>	<b>533.787.226.473</b>	<b>386.201.002.262</b>

Sáu tháng đầu năm 2011, doanh thu - giá vốn của hàng hóa nội bộ là 37.011.417.000 đồng và doanh thu - giá vốn của dịch vụ đã cung cấp nội bộ là 1.267.905.385 đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2010, doanh thu - giá vốn của hàng hóa nội bộ là 23.591.063.907 đồng và doanh thu - giá vốn của dịch vụ đã cung cấp nội bộ là 786.597.639 đồng.

**5.19 Giá vốn hàng bán**

	<b>Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND</b>	<b>Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND</b>
Giá vốn bán xăng dầu	416.143.826.041	296.354.454.685
Giá vốn bán dầu mỡ nhờn	2.603.154.915	2.194.629.954
Giá vốn bán gas và các phụ kiện	14.895.984	154.350.072
Giá vốn bán hàng hóa khác	55.505.000	295.219.984
Giá vốn cung cấp dịch vụ	96.861.310.017	73.248.716.544
<b>Tổng</b>	<b>515.678.691.957</b>	<b>372.247.371.239</b>

**5.20 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND</b>	<b>Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	507.572.893	57.148.059
Cổ tức, lợi nhuận được chia	427.928.100	286.716.000
<b>Tổng</b>	<b>935.500.993</b>	<b>343.864.059</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 a -DN

**5.21 Chi phí tài chính**

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND
Lãi tiền vay	83.350.000	376.552.153
Chi phí hoạt động tài chính khác		205.704
<b>Tổng</b>	<b>83.350.000</b>	<b>376.757.857</b>

**5.22 Lợi nhuận khác**

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>384.370.167</b>	<b>370.141.946</b>
Thu thanh lý tài sản cố định	300.000.000	370.091.818
Thu nhập khác	84.370.167	50.128
<b>Chi phí khác</b>	<b>2.941.431</b>	<b>5.750.760</b>
Tiền phạt vi phạm hàng chính		5.750.760
Chi phí khác	2.941.431	-
<b>Thu nhập thuần</b>	<b>381.428.736</b>	<b>364.391.186</b>

**5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>7.925.457.227</b>	<b>6.370.739.031</b>
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế (chi phí không phù hợp cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp)	-	2.750.000
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế (lãi cổ tức nhận được)	427.928.100	286.716.000
<b>Lợi nhuận tính thuế</b>	<b>7.497.529.127</b>	<b>6.086.773.031</b>
Thuế suất áp dụng	25%	25%
<b>Chi phí thuế TNDN kỳ hiện hành</b>	<b>1.874.382.282</b>	<b>1.521.693.258</b>
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.874.382.282</b>	<b>1.521.693.258</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 a -DN

**5.24 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND</b>	<b>Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.051.074.945	4.849.045.773
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.051.074.945	4.849.045.773
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	1.883.002	1.565.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>3.214</b>	<b>3.098</b>

**5.25 Chi phí sản xuất theo yếu tố**

	<b>Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND</b>	<b>Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	54.908.036.479	40.084.239.727
Chi phí nhân công	23.685.270.617	18.786.853.187
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.299.563.581	5.726.285.305
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.527.951.551	10.323.912.416
Chi phí khác bằng tiền	7.857.144.807	6.165.421.569
<b>Tổng</b>	<b>108.277.967.035</b>	<b>81.086.712.204</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty - được chi tiết tại Phụ lục 1 và phụ lục số 2 kèm theo.

**6.2 Số liệu so sánh**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty Hợp danh kiểm toán Việt Nam - CPA VIETNAM, Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited. Một số số liệu được điều chỉnh lại để phù hợp với việc trình bày số liệu của kỳ hoạt động này.

*Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2011*

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Vũ Thị Nhâm**

**Bùi Văn Thành**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI**  
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**PHỤ LỤC I: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Mẫu số 01/HN-CTC

**BÁO CÁO CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Kỳ báo cáo: Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

STT	Hình thức/ Đơn vị đầu tư	Ngày bắt đầu đầu tư	Vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư		Số lượng cổ phiếu phát hành	Số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ	Giá trị đầu tư (Đồng)	Tỷ lệ vốn góp	Mức độ ảnh hưởng	Tỷ lệ lợi ích
			Vốn điều lệ (Đồng)	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Đồng)						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>II</b>	<b>Vốn góp liên doanh (TK222)</b>		<b>4.500.000.000</b>	<b>4.500.000.000</b>	-	-	<b>1.800.000.000</b>	<b>40%</b>	<b>40%</b>	<b>40%</b>
1	Công ty Cổ phần Thương mại và Sửa chữa Ô tô Việt Nam	18/07/08	4.500.000.000	4.500.000.000			1.800.000.000	40%	40%	40%
<b>IV</b>	<b>Đầu tư dài hạn khác (TK228)</b>		<b>92.418.010.000</b>	<b>92.418.010.000</b>	<b>9.241.801</b>	<b>602.103</b>	<b>5.734.320.526</b>	<b>6,5%</b>	<b>6,5%</b>	<b>6,5%</b>
1	Công ty Cổ phần Taxi Sài Gòn Petrolimex	15/10/04	92.418.010.000	92.418.010.000	9.241.801	602.103	5.734.320.526	6,51%	6,51%	6,51%

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2011

Kế toán trưởng

Giám đốc

Vũ Thị Nhâm

Bùi Văn Thành



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**PHỤ LỤC II: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Mẫu số 02- B/HN-CTC

**BÁO CÁO TIÊU THỤ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**Phần II/ Doanh thu dịch vụ; Doanh thu tài chính và thu nhập khác**

Stt	Mã nhóm	Mã đơn vị	Đơn vị mua	Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	Doanh thu hoạt động tài chính			Thu nhập khác
					Tổng số	Trong đó:		
						Cổ tức, lợi nhuận tạm tính (nếu có)	Cổ tức, lợi nhuận đã nhận	
A	B	C	D	1	2	3	4	5
1	XD	11001000	Công ty Xăng dầu Khu vực I	21.264.097.257	-	-	-	-
2	XD	11007000	Công ty Xăng dầu Bắc Thái	7.252.816.004	-	-	-	-
3	XD	11026000	Công ty Xăng dầu Tây Bắc	14.282.637.259	-	-	-	-
4	XD	11040000	Công ty Xăng dầu Tuyên Quang	6.335.342.350	-	-	-	-
5	XD	11045000	Công ty Xăng dầu Lào cai	11.204.132.565	-	-	-	-
6	XD	11027000	Công ty Xăng dầu Yên Bái	7.369.450.974	-	-	-	-
7	XD	11006000	Công ty Xăng dầu Bắc Sơn	2.090.030.241	-	-	-	-
8	XD	11035000	Công ty Xăng dầu Cao bằng	9.912.106.845	-	-	-	-
9	XD	11008000	Công ty Xăng dầu Phú Thọ	807.539.641	-	-	-	-
10	XD	11046000	Công ty Xăng dầu Hà Giang	8.265.077.892	-	-	-	-
11	CP	11005000	Công ty Xăng dầu B12	10.317.374.694	-	-	-	-
12	CP	11028000	Công ty Xăng dầu Thái Bình	1.629.051.661	-	-	-	-
			Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex		6.456.000		6.456.000	
13	CP	11056300	Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn		421.472.100	-	421.472.100	-
			<b>Tổng</b>	<b>100.729.657.383</b>	<b>427 928 100</b>	<b>-</b>	<b>427 928 100</b>	<b>-</b>

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2011

Giám đốc

Vũ Thị Nhâm

Bùi Văn Thành

**PHỤ LỤC II: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Mẫu số 03- B/HN-CTC

**BÁO CÁO NHẬP XUẤT TỒN KHO HÀNG HÓA MUA NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Stt	Mã nhóm	Mã đơn vị	Chỉ tiêu/Đơn vị bán	Xăng dầu	Hóa dầu	Gas, bếp và phụ kiện	Hàng hóa khác
A	B	C	D	1	2	3	4
<b>I</b>			<b>Giá trị hàng hóa mua nội bộ tồn kho đầu kỳ</b>	<b>2.745.342.981</b>	<b>850.513.527</b>	<b>94.735.984</b>	<b>-</b>
<b>II</b>			<b>Giá trị hàng hóa mua nội bộ trong kỳ</b>	<b>424.074.289.430</b>	<b>2.886.248.794</b>		<b>91.990.338</b>
1	XD	30000003	Công ty Xăng dầu Khu vực I	387.064.562.451	977.595.410	-	61.740.338
2	XD	20001051	Công ty Cổ phần Hoá dầu Petrolimex Hà Nội		1.166.331.469	-	
3	CP	30000009	Công ty Xăng dầu Lào cai	29.787.151.961	349.995.323	-	
4	CP	30000001	Công ty Xăng dầu B12	5.031.448.111	274.200.716	-	30.250.000
5	XD	20001100	Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	-	-	-	
5	XD	20001130	Công ty Xăng dầu Tây Bắc	682.633.265	-	-	
6	XD	20001231	Công ty Xăng dầu Bắc Sơn	-	-	-	
7	XD	20001040	Công ty Xăng dầu Phú Thọ	863.029.794	91.663.976	-	
8	XD	20001016	Công ty Xăng dầu Thái Bình	640.561.598	26.461.900	-	
9	XD	20001015	Công ty Xăng dầu Hà Giang	4.902.250	-	-	
<b>III</b>			<b>Giá trị hàng hóa xuất nội bộ xuất trong kỳ</b>	<b>423.496.742.994</b>	<b>2.746.277.291</b>	<b>75.395.984</b>	<b>91.990.338</b>
<b>IV</b>			<b>Giá trị hàng hóa mua nội bộ tồn kho cuối kỳ</b>	<b>3.322.889.417</b>	<b>990.485.030</b>	<b>19.340.000</b>	<b>-</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2011

Kế toán trưởng

Giám đốc

Vũ Thị Nhâm

Bùi Văn Thành

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**PHỤ LỤC II: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Mẫu số 04- B/HN-CTC

**BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

STT	Mã nhóm	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Phải thu khách hàng	Trả trước người bán	Phải thu theo tiến độ KHHĐXD	Phải thu khác	Kỹ quỹ ký cược
A	B	C	D	1	2	3	4	5
1	XD	11.001.000	Công ty Xăng dầu Khu vực I	2.344.362.654	-	-	-	-
2	XD	11.007.000	Công ty Xăng dầu Bắc Thái	1.329.401.328	-	-	-	-
3	XD	11.026.000	Công ty Xăng dầu Tây Bắc	1.292.870.871	-	-	-	-
4	XD	11.040.000	Công ty Xăng dầu Tuyên Quang	999.346.094	-	-	-	-
5	XD	11.045.000	Công ty Xăng dầu Lào cai	1.364.377.844	-	-	-	-
6	XD	11.027.000	Công ty Xăng dầu Yên Bái	1.358.165.480	-	-	-	-
7	XD	11.006.000	Công ty Xăng dầu Bắc Sơn	628.930.362	-	-	-	-
8	XD	11.035.000	Công ty Xăng dầu Cao bằng	954.636.762	-	-	-	-
9	XD	11.046.000	Công ty Xăng dầu Hà Giang	1.304.838.861	-	-	-	-
10	XD	11.005.000	Công ty Xăng dầu B12	884.426.161	-	-	-	-
11	XD	11.038.000	Công ty Xăng dầu Phú Thọ	248.857.670	-	-	-	-
12	XD	11.028.000	Công ty Xăng dầu Thái Bình	183.167.077	-	-	-	-
13	CP	11.023.000	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex			-	-	-
			<b>Cộng</b>	<b>12.893.381.164</b>	-	-	-	-

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2011

Kế toán trưởng

Giám đốc

Vũ Thị Nhâm

Bùi Văn Thành

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**PHỤ LỤC II: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Mẫu số 05/HN-CTC

**BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

ĐƠN VỊ: VNĐ.

STT	Mã nhóm	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Phải trả người bán	Người mua trả tiền trước	Phải trả theo tiến độ KH HỖXĐ	Phải trả phải nộp khác	Nhận ký quỹ ký cược
A	B	C	D	1	2	3	4	5
1	XD	11.001.000	Công ty Xăng dầu Khu vực I	7.800.476.622	-	-	-	-
2	CP	11.005.000	Công ty Xăng dầu B12		855.828.382	-	-	-
3	XD	11.008.000	Công ty Xăng dầu Phú Thọ	69.797.190	-	-	-	-
4	XD	11.002.400	Công ty Cổ phần Hoá dầu Petrolimex	38.146.715	-	-	-	-
			<b>Tổng</b>	<b>7.908.420.527</b>	<b>855.828.382</b>	-	-	-

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2011

Giám đốc

Vũ Thị Nhâm

Bùi Văn Thành